

Số: 510 /QĐ-MNNB

Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách**  
**Năm 2025 của trường MN Noong Bua**

Căn cứ điều 10 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về việc quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường mầm non;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2025 của UBND phường Mường Thanh;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu công khai dự toán bổ sung kinh phí năm 2025 của Trường Mầm Non Bua (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các bộ phận, tổ chuyên môn và bộ phận hành chính trong nhà trường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu :VT, KT

**Thủ trưởng đơn vị**  
  
**Nguyễn Thị Lý**



## CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 510 /QĐ-MNNB, ngày 30 tháng 12 năm 2025 của  
Hiệu trưởng trường Mầm non Noong Bua)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
<b>I</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước – Sự nghiệp giáo dục</b>	<b>26.300.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục mầm non (822-071)</b>	<b>26.300.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thường xuyên (Nguồn 13)</b>	<b>26.300.000</b>
1.1.1	Kinh phí chi thường xuyên	26.300.000

*Handwritten signature in blue ink.*

Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn vào Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ quyết định số 322 / QĐ – UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan đơn vị thuộc Phường Mường Thanh

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của đơn vị

Hôm nay ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại phòng hội đồng trường Mầm non Noong Bua

**Thành phần gồm có ;**

1. Bà : Nguyễn Thị Lý – Chức vụ : Hiệu trưởng – Người chịu trách nhiệm công khai

2. Bà : Nguyễn Thị Tươi - Chức vụ : Kế toán

3. Bà : Lương Hồng Châu : Thư ký nhà trường

Đã tiến hành niêm yết công khai số liệu Dự toán ngân sách năm 2025

**Thời gian niêm yết :** Từ ngày 30 tháng 12 đến ngày 31 tháng 01 năm 2026

**Địa điểm niêm yết :** Phòng Hội đồng trường Mầm non Noong Bua và trên cổng thông tin điện tử nhà trường;

Biên bản lập xong vào hồi 14 giờ ngày 30 tháng 12 năm 2025 đã được thông qua các thành viên cùng nghe và nhất trí .



**HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Lý

**KẾ TOÁN**

Nguyễn Thị Tươi

**THƯ KÝ**

Lương Hồng Châu

Số: 322/QĐ-UBND

Mường Thanh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG THANH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Mường Thanh tại Tờ trình số 435/TTr-KTHT&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí: **1.777 triệu đồng** (bằng chữ: Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn) cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường Mường Thanh.

- Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn: 128 triệu đồng

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ năm 2025: 1.649 triệu đồng

(chi tiết tại phụ lục kèm theo).

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc phường Mường Thanh thực hiện nhiệm vụ chi đảm bảo kịp thời, đúng chính sách cho các đối tượng.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực X thực hiện cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường Mường Thanh để triển khai đảm bảo các chế độ chính sách.

2. Các các cơ quan, đơn vị được cấp kinh phí chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Kho bạc nhà nước Khu vực X và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hưng**

**BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI VÀ CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 322 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Mường Thanh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã quan hệ ngân sách	Chương	Khoản	Mã nguồn	Tổng nhu cầu kinh phí cấp bổ sung (làm tròn số triệu đồng)	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>1.777.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Quản lý hành chính</b>					<b>625.700.000</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng HĐND và UBND phường</b>	<b>1143907</b>	<b>830</b>	<b>011</b>		<b>552.000.000</b>	
	Kinh phí do tăng phụ cấp hàng tháng của thôn đội trưởng theo Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/2/2025 và Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 15/7/2025				13	156.000.000	
	Kinh phí tăng Bảo hiểm xã hội cho cán bộ không chuyên trách thôn bản, tổ dân phố theo điểm K khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024				13	365.000.000	
	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên				13	31.000.000	
<b>2</b>	<b>Phòng Văn hóa - Xã Hội</b>	<b>1143906</b>	<b>832</b>			<b>73.700.000</b>	
	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên			341	13	13.000.000	
<b>*</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo</b>					<b>60.700.000</b>	
-	Miễn giảm học phí	1143906	832	083	15	60.700.000	
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>					<b>1.151.300.000</b>	
<b>1</b>	<b>Trung tâm dịch vụ tổng hợp</b>	<b>1143904</b>	<b>821</b>	<b>161</b>		<b>11.000.000</b>	
	Hỗ trợ nâng lương thường xuyên				13	11.000.000	
<b>2</b>	<b>Trường Mầm non Nam Thanh</b>	<b>1029779</b>	<b>822</b>	<b>071</b>		<b>59.049.000</b>	
-	Cấp bù học phí				15	18.420.000	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	16.500.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	24.129.000	
<b>3</b>	<b>Trường Mầm non Thanh Xương</b>	<b>1096023</b>	<b>822</b>	<b>071</b>		<b>114.040.000</b>	
-	Cấp bù học phí				15	31.640.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP				15	2.000.000	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	33.000.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	47.400.000	
<b>4</b>	<b>Trường Mầm non Hoa sen</b>	<b>1118308</b>	<b>822</b>	<b>071</b>		<b>78.300.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	54.000.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	24.300.000	
<b>5</b>	<b>Trường Mầm non Noong Bua</b>	<b>1031212</b>	<b>822</b>	<b>071</b>		<b>26.300.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	26.300.000	
<b>6</b>	<b>Trường Mầm non Hoa Mơ</b>	<b>1104965</b>	<b>822</b>	<b>071</b>		<b>85.400.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	56.000.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	29.400.000	
<b>7</b>	<b>Trường Tiểu học Noong Bua</b>	<b>1031115</b>	<b>822</b>	<b>072</b>		<b>142.100.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	75.400.000	

-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	66.700.000	
<b>8</b>	<b>Trường Tiểu học Nam Thanh</b>	<b>1029632</b>	<b>822</b>	<b>072</b>		<b>124.900.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	36.800.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	88.100.000	
<b>9</b>	<b>Trường Tiểu học số 1 thanh xương</b>	<b>1095987</b>	<b>822</b>	<b>072</b>		<b>51.300.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	38.000.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	13.300.000	
<b>10</b>	<b>Trường THCS Nam Thanh</b>	<b>1029636</b>	<b>822</b>	<b>073</b>		<b>134.271.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	59.000.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	75.271.000	
<b>11</b>	<b>Trường TH&amp;THCS Thanh Xương</b>	<b>1166264</b>	<b>822</b>	<b>073</b>		<b>215.400.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	65.000.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	150.400.000	
<b>12</b>	<b>Trường THCS Him Lam</b>	<b>1029783</b>	<b>822</b>	<b>073</b>		<b>109.240.000</b>	
-	- Cấp bù học phí				15	15.240.000	
-	Kinh phí thực hiện bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục				13	43.000.000	
-	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012				15	51.000.000	

*Handwritten signature*